

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám Răng hàm mặt Quang Thịnh trực thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quang Thịnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám Răng hàm mặt Quang Thịnh trực thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quang Thịnh (Mã hồ sơ: H24.18-260331-180020);

Căn cứ Biên bản thẩm định và Biên bản sau khắc phục của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 1390/QĐ-SYT ngày 09/04/2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám Răng hàm mặt Quang Thịnh trực thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quang Thịnh;
- Địa chỉ: Số 235 Vũ Mạnh Hùng, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Phòng khám Răng hàm mặt;
- Số GPMD: 001695/HP-GPMD do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Hồng Nhung;

Số CCHN: 044236/BYT-CCHN do Bộ Y tế cấp ngày 27/11/2020;

- Thời gian hoạt động: Sáng từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 30; chiều từ 13 giờ 30 đến 18 giờ 00 từ thứ 2 đến chủ nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt.

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 70 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Phòng khám Răng hàm mặt Quang Thịnh trực thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quang Thịnh có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám Răng hàm mặt Quang Thịnh trực thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quang Thịnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, PGD Tr.Q.Trinh, PGD Ng.T.T.Chính;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHNYD (02).

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Quang

**Phụ lục: Phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại Phòng khám
Răng hàm mặt Quang Thịnh trực thuộc Công ty TNHH Nha khoa Quang Thịnh**
(Kèm theo Quyết định số:1942 /QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
2	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
3	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
4	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
5	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
6	14359	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
7	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
8	14368	16.53	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
9	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
10	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
11	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
12	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
13	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
14	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
15	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
16	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
17	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
18	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
19	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
20	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
21	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
22	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
23	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
24	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
25	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
26	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
27	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
28	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
29	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
30	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
31	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
32	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
33	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
34	14428	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
35	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
36	14430	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ
37	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
38	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
39	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
40	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
41	14435	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
42	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
43	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
44	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
45	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
46	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
47	14447	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
48	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
49	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
50	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
51	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
52	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
53	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
54	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn
55	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay
56	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ chân răng vĩnh viễn
57	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng thừa
58	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
59	14536	16.223	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
60	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
61	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
62	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
63	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
64	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
65	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
66	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
67	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
68	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
69	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
70	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa

Tổng số 70 danh mục kỹ thuật./.